TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N,** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày 09 -01-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ C

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Bích

2. Ông Đinh Quyết Thắng

- *Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận N, thành phố C:* Bà Lê Hoàng Dung – Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 721/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1010/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Anh V, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Trúc P, sinh năm 1983. Có mặt

Nơi cư trú: Số 20X/4, Khu vực 3, phường An Khánh, quận N, thành phố C (Hợp đồng ủy quyền ngày 05/10/2023).

Bị đơn: Ông Cao Hữu H, sinh năm 1984. Xin vắng mặt

Nơi cư trú: Số 137/56E Hoàng Văn Thụ, phường An Cư, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2023, ông Phan Anh V trình bày:

Trong quá trình làm ăn, ông quen biết ông Cao Hữu H thông qua mạng xã hội

Zalo, sau nhiều lần trao đổi ông Cao Hữu H giới thiệu có mặt hàng que cấy tránh thai giá rẻ nên đặt vấn đề muốn cung cấp hàng cho ông. Nhận thấy hàng của ông H giới thiệu giá cả cũng rẻ hơn so với thị trường, nên ông đồng ý.

Ngày 10/3/2021, ông H lên Buôn Ma Thuột gặp ông trao đổi về vấn đề mua bán và yêu cầu ông đặt cọc trước để ông H lấy hàng về giao, ông H tự viết tay giấy mua bán với nội dung như sau:

- Hàng hóa mua bán: que tránh thai Jadelle và Inplanon.
- Thời gian giao hàng:

+ Inplanon:

13/5/2021 giao 100 que;

15/5/2021 đến 06/6/2021 giao 03 chuyến, mỗi chuyến 100 que.

+ Jadelle:

23/5/2021: 10 hộp;

24/5/2021: 10 hộp;

25/5/2021: 10 hộp.

- Tiền cọc: tổng cộng là 70.000.000 đồng.

Ông đã chuyển khoản 70.000.000 đồng vào tài khoản của ông Cao Hữu H (số tài khoản: 1903279799013 tại Ngân hàng Techcombank), ông chuyển khoản 03 lần (lần 1 vào ngày 08/5/2021: 30.000.000 đồng, lần 2,3 vào ngày 12/5/2023: 40.000.000 đồng).

Sau khi nhận tiền cọc, đến hạn giao hàng ông H không tiến hành giao hàng như đã thỏa thuận, ông nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H giao hàng nhưng có khi ông H không nghe máy, có khi hứa hẹn cho qua chuyện và đến nay ông H vẫn chưa giao cho ông bất cứ hàng hóa nào. Việc làm của ông H là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Nay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Cao Hữu H trả lại ông số tiền cọc 70.000.000 đồng và buộc ông H phải chịu phạt cọc tương đương với số tiền 70.000.000 đồng do không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận tại Giấy mua bán (v/v cung cấp hàng). Tổng số tiền yêu cầu ông H phải trả là 140.000.000 đồng.

Theo bản tự khai và biên bản làm việc ngày 30/11/2023, bị đơn ông Cao Hữu H trình bày:

Ông thừa nhận có nhận 70.000.000 đồng tiền cọc để mua que cấy tránh thai của ông Phan Anh V. Tuy nhiên, ông đã chuyển khoản trả cho ông V số tiền 10.000.000 đồng. Nay ông chỉ đồng ý trả cho ông V số tiền 60.000.000 đồng, do điều kiện làm ăn khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 60.000.000 đồng. Về số tiền phạt cọc 70.000.000 đồng, ông không đồng ý trả cho ông V, vì ông không có vi phạm nghĩa vụ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn hoàn trả tiền cọc 70.000.000 đồng và phạt cọc 70.000.000 đồng. Tổng cộng 140.000.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định. Về nội dung, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả 70.000.000 đồng tiền cọc và chịu phạt cọc 70.000.000 đồng; tổng cộng 140.000.000 đồng. Nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn 70.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận đã nhận số tiền trên nhưng không giao hàng cho nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận. Bị đơn cho rằng, đã chuyển trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng, nhưng không có căn cứ chứng minh.

Đối với yêu cầu phạt cọc, trong giấy bán hàng chỉ ghi "trễ một ngày phạt 500.000 đồng, trễ 10 ngày phạt 100%", ngoài ra không có thỏa thuận nào khác, nên không có cơ sở xem xét. Do đó, đề nghị chỉ chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả nguyên đơn 70.000.000 đồng tiền cọc; không chấp nhận đối với yêu cầu phạt cọc 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn cư trú tại quận N, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố C và đây là tranh chấp Hợp đồng đặt cọc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Năm 2021, ông Cao Hữu H có xác lập Giấy mua bán (v/v mua bán hàng), thỏa thuận bán cho ông Phan Anh V mặt hàng que cấy tránh thai.

Về hình thức, Giấy mua bán chưa đảm bảo về mặt hình thức theo quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự.

Về nội dung, sau khi thỏa thuận ông V đã chuyển cho ông H số tiền 70.000.000 đồng và ông H cũng thừa nhận đã nhận số tiền 70.000.000 đồng.

Tuy nhiên, ông H không giao hàng cho ông V như thỏa thuận và cho rằng do dịch bệnh Covid 19, nên không nhập hàng được. Đây là lý do khách quan nên không đồng ý phạt cọc theo yêu cầu của nguyên đơn và xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng.

Ngoài ra, ông H còn cho rằng đã chuyển trả cho ông V 10.000.000 đồng, nên chỉ còn thiếu ông V 60.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 30/11/2023, Tòa án cho ông H thời hạn 10 ngày (kể từ ngày 30/11/2023 đến hết ngày 10/12/2023) phải nộp chứng từ chuyển khoản 10.000.000 đồng, nhưng cho đến nay ông H không cung cấp chứng cứ trên.

Do đó, việc ông H cho rằng đã chuyển trả ông V số tiền 10.000.000 đồng là không có cơ sở, nên ông H phải trả cho ông V số tiền cọc 70.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phạt cọc, nguyên đơn căn cứ vào nội dung Giấy mua bán (v/v mua bán hàng) yêu cầu bị đơn nộp phạt cọc 70.000.000 đồng là không phù hợp, nên không chấp nhận.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí 3.500.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí trên yêu cầu 70.000.000 đồng không được chấp nhận là 3.500.000 đồng.

[5]. Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn đã nộp 3.500.000 đồng (theo Biên lai thu số 0000342 ngày 24/10/2023), sẽ được trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: 1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Cao Hữu H phải trả ông Phan Anh V số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phạt cọc bị đơn số tiền 70.00.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải nộp số tiền 3.500.000 đồng.

Nguyên đơn phải nộp 3.500.000 đồng.

Về tạm ứng án phí: Căn cứ Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp 3.500.000 đồng (theo Biên lai thu số 0000342 ngày 24/10/2023), sẽ được trừ vào án phí.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Toà án nhân dân Tp. C;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. C;*
- *Viện kiểm sát nhân dân q. N;*
- *Chi cục Thi hành án DS q. N;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Quân